

KẾT QUẢ KIỂM TRA CHỨNG CHỈ QUỐC GIA TRÌNH ĐỘ A

Kỳ kiểm tra: tháng 4/2015

Ngày: 05/4/2015

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
1	12D2010004	Đậu Trọng	Anh	30.03.94	12CĐ-CK1	6.5	-	xx	THA2	
2	12D2010005	Đỗ Huỳnh Duy	Anh	01.10.94	12CĐ-CK1	9.0	-	xx	THA2	
3	12D2010009	Đỗ Chiêm	Bao	20.12.94	12CĐ-CK1	7.5	3.0	5.3	5.3	Trung bình
4	12D2010029	Phạm Quang	Đăng	02.02.94	12CĐ-CK1	6.5	-	xx	THA2	
5	12D2010017	Trần	Danh	14.09.94	12CĐ-CK1	7.0	1.5	xx	THA2	
6	12D2010033	Võ Ngọc	Đạt	03.02.94	12CĐ-CK1	6.5	-	xx	THA2	
7	12D2010030	Nguyễn Văn	Đạt	19.06.94	12CĐ-CK1	8.0	-	xx	THA2	
8	12D2010036	Nguyễn Giao Bảo	Điền	06.12.94	12CĐ-CK1	8.5	1.5	xx	THA2	
9	12D2010037	Lê Văn	Diệp	16.09.94	12CĐ-CK1	5.0	1.5	xx	THA2	
10	12D2010041	Huỳnh Văn	Đôi	05.08.94	12CĐ-CK1	8.0	1.0	xx	THA2	
11	12D2010024	Phạm Quang	Duy	17.08.94	12CĐ-CK1	7.5	5.0	6.3	6.3	Trung bình
12	11D0020120	Lê Khánh	Duy	07.05.93	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
13	12D2010049	Huỳnh Minh	Hải	20.08.93	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
14	12D2010061	Nguyễn Văn	Hồ	23.09.93	12CĐ-CK1	5.5	1.5	xx	THA2	
15	12D2010069	Đặng Văn	Hữu	12.04.93	12CĐ-CK1	9.0	-	xx	THA2	
16	12D2010073	Nguyễn Tấn	Khang	04.10.94	12CĐ-CK1	2.0	3.5	xx	THA1+THA2	
17	12D2010081	Phan Quốc	Kiệt	23.02.94	12CĐ-CK1	7.0	-	xx	THA2	
18	12D2010085	Nguyễn Hoàng	Linh	24.06.93	12CĐ-CK1	8.0	1.5	xx	THA2	
19	12D2010089	Huỳnh Văn	Lộc	24.08.94	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
20	12D2010097	Nguyễn Văn	Lưu	29.03.94	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
21	12D2010100	Trần Hoài	Nam	02.08.94	12CĐ-CK1	6.5	-	xx	THA2	
22	12D2010105	Lâm Học	Nhân	01.03.94	12CĐ-CK1	6.0	1.5	xx	THA2	
23	12D2010109	Châu Cường	Phát	15.01.94	12CĐ-CK1	6.5	1.5	xx	THA2	
24	12D2010119	Nguyễn Thành	Quân	16.08.94	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
25	12D2010120	Diệp Kim	Quang	28.10.93	12CĐ-CK1	6.0	1.5	xx	THA2	
26	12D2010124	Nguyễn Hữu	Quảng	05.09.93	12CĐ-CK1	7.0	3.5	5.3	5.3	Trung bình
27	12D2010128	Trần Minh	Quyên	13.09.88	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
28	12D2010136	Tăng Đức	Tài	05.11.94	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
29	12D2010139	Nguyễn Duy	Tân	28.08.93	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
30	12D2010140	Nguyễn Văn	Tân	11.09.93	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
31	12D2010144	Nguyễn Sơn	Thạch	14.01.93	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
32	12D2010148	Hồ Đức	Thắng	24.12.94	12CĐ-CK1	6.0	1.5	xx	THA2	
33	11D0020080	Trần Quý	Thắng	20.04.93	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
34	12D2010157	Sử Hải	Thanh	27.10.92	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
35	12D2010156	Nguyễn Văn	Thành	07.07.94	12CĐ-CK1	6.0	3.5	4.8	THA2	
36	12D2010160	Nguyễn Văn	Thảo	27.10.92	12CĐ-CK1	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	
37	12D2010175	Nguyễn Đàm Minh	Trí	24.12.94	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
38	12D2010178	Nguyễn Quốc	Trọng	29.11.94	12CĐ-CK1	7.0	1.5	xx	THA2	
39	12D2010179	Nguyễn Quốc	Trung	24.09.93	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
40	12D2010183	Trần Nhật	Trường	15.01.94	12CĐ-CK1	7.0	1.0	xx	THA2	
41	12D2010197	Nguyễn Văn	Tuấn	18.08.94	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
42	12D2010187	Nguyễn Quốc	Tuyền	18.01.94	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
43	12D2010190	Dương Minh	Việt	25.10.94	12CĐ-CK1				THA1+THA2	
44	12D2010191	Huỳnh Duy	Vinh	10.01.94	12CĐ-CK1	7.5	1.5	xx	THA2	
45	12D2010008	Trần Thanh	Ân	11.06.94	12CĐ-CK2	8.0	8.0	8.0	8	Giỏi
46	12D2010006	Lê Triều	Anh	28.07.93	12CĐ-CK2				THA1+THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
47	12D2010010	Hồ Phước Ngọc	Bảo	21.09.94	12CĐ-CK2	7.0	1.5	xx	THA2	
48	12D2010014	Đồng Đăng	Cường	05.11.94	12CĐ-CK2				THA1+THA2	
49	12D2010028	Nguyễn Tuấn	Đăng	06.12.94	12CĐ-CK2	7.0	8.0	7.5	7.5	Khá
50	12D2010034	Vũ Tuấn	Đạt	21.02.93	12CĐ-CK2	6.5	3.0	4.8	THA2	
51	12D2010018	Bùi Tấn	Din	01.09.94	12CĐ-CK2	5.0	1.5	xx	THA2	
52	12D2010038	Lưu	Định	16.10.93	12CĐ-CK2	7.0	8.0	7.5	7.5	Khá
53	12D2010040	Nguyễn Văn	Đoàn	28.11.92	12CĐ-CK2	7.0	5.0	6.0	6	Trung bình
54	12D2010042	Trần Hữu	Đức	09.11.93	12CĐ-CK2	6.0	5.5	5.8	5.8	Trung bình
55	12D2010026	Nguyễn Xuân	Duyên	09.10.94	12CĐ-CK2	7.0	3.5	5.3	5.3	Trung bình
56	12D2010046	Trần Hoàng	Giang	01.01.94	12CĐ-CK2	6.0	3.0	4.5	THA2	
57	10D0020237	Phan Văn Xuân	Hậu	27.12.92	12CĐ-CK2	6.5	3.5	5.0	5	Trung bình
58	12D2010062	Nguyễn Nhật	Hòa	01.05.94	12CĐ-CK2	7.0	6.0	6.5	6.5	Trung bình
59	12D2010070	Đặng Tuấn	Huy	15.07.93	12CĐ-CK2	7.0	7.5	7.3	7.3	Khá
60	12D2010072	Lê Ngọc	Huy	08.08.94	12CĐ-CK2	6.0	4.0	5.0	5	Trung bình
61	12D2010074	Nguyễn Trọng	Khang	11.11.93	12CĐ-CK2	6.0	7.0	6.5	6.5	Trung bình
62	12D2010082	Nguyễn Hoàng	Lâm	04.09.94	12CĐ-CK2				THA1+THA2	
63	12D2010086	Phan Vũ	Linh	01.05.94	12CĐ-CK2	7.0	8.5	7.8	7.8	Khá
64	12D2010092	Phùng Ngọc	Long	20.10.93	12CĐ-CK2				THA1+THA2	
65	12D2010098	Nguyễn Công	Minh	21.07.94	12CĐ-CK2	7.5	8.0	7.8	7.8	Khá
66	12D2010102	Phạm Anh	Nghiêm	30.08.94	12CĐ-CK2	7.0	1.5	xx	THA2	
67	12D2010106	Lê Hoàng	Nhân	15.12.93	12CĐ-CK2				THA1+THA2	
68	12D2010108	Dương Quốc	Pháp	25.09.93	12CĐ-CK2	8.0	7.0	7.5	7.5	Khá
69	12D2010110	Linh Điều	Phí	06.08.94	12CĐ-CK2				THA1+THA2	
70	12D2010114	Nguyễn Hoài	Phúc	30.10.94	12CĐ-CK2			xx	THA1+THA2	
71	12D2010129	Cao Văn	Sa	11.02.94	12CĐ-CK2	6.5	3.0	4.8	THA2	
72	12D2010131	Huỳnh Văn	Sang	28.10.94	12CĐ-CK2	6.5	3.5	5.0	5	Trung bình
73	12D2010137	Phạm Ngọc Đăng	Tâm	02.02.94	12CĐ-CK2	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
74	12D2010141	Phạm Minh	Tân	19.10.92	12CĐ-CK2	5.5	1.5	xx	THA2	
75	12D2010143	Nguyễn Phước	Tây	28.01.94	12CĐ-CK2	8.0	2.0	xx	THA2	
76	12D2010143	Nguyễn Phước	Tây	28.01.94	12CĐ-CK2				THA1+THA2	
77	12D2010149	Mai Minh	Thăng	14.03.94	12CĐ-CK2	5.5	1.0	xx	THA2	
78	12D2010152	Giáp Văn	Thanh	03.08.93	12CĐ-CK2	6.5	3.0	4.8	THA2	
79	12D2010165	Phạm Công	Thiện	06.01.94	12CĐ-CK2	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
80	12D2010167	Phạm Việt	Thịnh	26.10.94	12CĐ-CK2	8.0	6.0	7.0	7	Khá
81	12D2010168	Nguyễn Văn	Thuộc	10.09.94	12CĐ-CK2	6.5	2.0	xx	THA2	
82	12D2010198	Trần Văn	Tí	05.05.93	12CĐ-CK2	7.0	3.5	5.3	5.3	Trung bình
83	12D2010171	Phùng Thanh	Tịnh	10.02.93	12CĐ-CK2	8.5	1.5	xx	THA2	
84	12D2010180	Nguyễn Thành	Trung	03.01.94	12CĐ-CK2	6.5	1.0	xx	THA2	
85	12D2010182	Nguyễn Tấn	Trương	24.08.94	12CĐ-CK2	8.5	6.0	7.3	7.3	Khá
86	12D2010184	Nguyễn Đắc	Truyền	18.05.94	12CĐ-CK2	8.0	3.0	5.5	5.5	Trung bình
87	12D2010188	Nguyễn Thiên	Vạn	08.04.94	12CĐ-CK2	7.5	5.5	6.5	6.5	Trung bình
88	12D2010192	Trương Hoàng Quang	Vinh	17.10.94	12CĐ-CK2	7.5	1.5	xx	THA2	
89	12D2010196	Dương Lý	Vương	08.03.93	12CĐ-CK2	6.5	1.5	xx	THA2	
90	12D2010003	Phạm Long	An	29.09.93	12CĐ-CK3			xx	THA1+THA2	
91	12D2010007	Lê Tuấn	Anh	13.06.94	12CĐ-CK3	7.0	5.5	6.3	6.3	Trung bình
92	12D2010011	Trần Văn	Bảo	23.05.94	12CĐ-CK3	3.0	-	xx	THA1+THA2	
93	12D2010012	Vũ Cao	Bền	19.08.91	12CĐ-CK3	7.5	1.5	xx	THA2	
94	12D2010015	Bùi Văn	Dân	29.03.94	12CĐ-CK3	7.0	1.5	xx	THA2	
95	12D2010027	Bùi Châu Duy	Đăng	17.08.93	12CĐ-CK3	6.5	1.5	xx	THA2	
96	12D2010031	Trần Quốc	Đạt	26.09.94	12CĐ-CK3	7.5	1.5	xx	THA2	
97	12D2010032	Trần Thành	Đạt	21.09.94	12CĐ-CK3	6.0	1.5	xx	THA2	
98	12D2010019	Nguyễn Hoàng	Dinh	25.01.94	12CĐ-CK3	6.5	1.0	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
99	12D2010039	Đỗ Đại	Độ	01.11.94	12CĐ-CK3	7.5	5.5	6.5	6.5	Trung bình
100	11D0020011	Lê Văn	Dự	02.04.93	12CĐ-CK3	3.0	-	xx	THA1+THA2	
101	12D2010023	Nguyễn Văn	Duy	05.07.94	12CĐ-CK3	6.0	1.0	xx	THA2	
102	12D2010043	Quảng Văn	Giản	06.07.94	12CĐ-CK3	5.5	-	xx	THA2	
103	12D2010048	Đậu Trọng	Hải	11.02.94	12CĐ-CK3	5.5	5.0	5.3	5.3	Trung bình
104	12D2010051	Trần Minh	Hải	17.06.94	12CĐ-CK3	5.0	1.0	xx	THA2	
105	12D2010059	Huỳnh Trung	Hiếu	17.06.94	12CĐ-CK3	4.0	-	xx	THA1+THA2	
106	12D2010063	Phùng Quang	Hoàng	27.10.94	12CĐ-CK3	7.0	8.5	7.8	7.8	Khá
107	12D2010065	Phạm Hoàng	Hôn	01.01.94	12CĐ-CK3	7.0	4.0	5.5	5.5	Trung bình
108	12D2010075	Nguyễn Công	Khanh	19.08.91	12CĐ-CK3	8.0	5.5	6.8	6.8	Trung bình
109	12D2010080	Huỳnh Anh	Kiệt	14.10.94	12CĐ-CK3	6.0	4.0	5.0	5	Trung bình
110	12D2010083	Võ Văn	Lệnh	16.04.93	12CĐ-CK3	5.5	1.5	xx	THA2	
111	12D2010087	Trần Ngọc	Linh	17.06.93	12CĐ-CK3	7.0	-	xx	THA2	
112	12D2010091	Ngô Hoàng	Long	15.12.94	12CĐ-CK3	6.5	-	xx	THA2	
113	12D2010095	Hoàng Văn	Lục	28.09.94	12CĐ-CK3	7.0	-	xx	THA2	
114	12D2010103	Nguyễn Thái	Nguyên	05.02.94	12CĐ-CK3	6.5	-	xx	THA2	
115	10D0020176	Văn Quang	Ninh	06.12.92	12CĐ-CK3	8.0	3.0	5.5	5.5	Trung bình
116	12D2010111	Võ Tấn	Phong	07.03.94	12CĐ-CK3	5.5	-	xx	THA2	
117	12D2010115	Bùi Thiên	Phước	20.10.94	12CĐ-CK3	5.5	1.5	xx	THA2	
118	12D2010118	Nguyễn Minh	Quân	19.05.93	12CĐ-CK3	6.5	1.5	xx	THA2	
119	12D2010122	Nguyễn Duy	Quang	19.05.94	12CĐ-CK3	5.0	2.5	xx	THA2	
120	12D2010130	Đặng	Sáng	23.08.93	12CĐ-CK3	6.0	4.0	5.0	5	Trung bình
121	12D2010134	Vì Văn	Sức	26.01.93	12CĐ-CK3	6.0	4.0	5.0	5	Trung bình
122	12D2010135	Nguyễn Tấn	Sỹ	19.04.94	12CĐ-CK3	5.0	3.0	4.0	THA2	
123	12D2010142	Tạ Minh	Tấn	25.01.92	12CĐ-CK3	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
124	12D2010146	Nguyễn Hồng	Thái	25.11.92	12CĐ-CK3	6.5	1.5	xx	THA2	
125	12D2010150	Nguyễn Minh	Thắng	10.07.92	12CĐ-CK3	6.0	1.5	xx	THA2	
126	12D2010158	Võ Đức	Thành	20.04.93	12CĐ-CK3	6.5	1.5	xx	THA2	
127	12D2010159	Đàm Minh	Thảo	26.11.94	12CĐ-CK3	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
128	12D2010166	Nguyễn Chí	Thinh	26.04.94	12CĐ-CK3	5.0	-	xx	THA2	
129	12D2010169	Lê Thành	Thương	18.02.94	12CĐ-CK3	7.5	1.5	xx	THA2	
130	12D2010181	Phan Thành	Trung	19.10.93	12CĐ-CK3	6.0	1.5	xx	THA2	
131	12D2010189	Lê Ngọc	Vàng	07.12.93	12CĐ-CK3	7.0	1.5	xx	THA2	
132	12D301Đ001	Bùi Thuận	An	14.03.94	12CĐ-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
133	12D301Đ002	Nguyễn Hoài	An	15.06.94	12CĐ-Đ1	5.0	2.0	xx	THA2	
134	12D301Đ006	Đào Trọng Thiên	Ân	21.10.94	12CĐ-Đ1	1.0	1.0	xx	THA1+THA2	
135	12D301Đ007	Lê Đình	Ân	09.03.94	12CĐ-Đ1				THA1+THA2	
136	12D301Đ009	Dương Quốc	Bảo	28.09.93	12CĐ-Đ1	6.0	3.0	4.5	THA2	
137	12D301Đ010	Nguyễn Như	Bình	02.04.94	12CĐ-Đ1	5.5	3.0	4.3	THA2	
138	12D301Đ013	Đỗ Ngọc	Chung	20.04.91	12CĐ-Đ1	7.0	1.0	xx	THA2	
139	12D301Đ014	Đặng Văn	Công	28.02.94	12CĐ-Đ1	6.0	1.0	xx	THA2	
140	12D301Đ015	Lâm Nguyễn Hùng	Cường	14.02.94	12CĐ-Đ1	5.0	1.0	xx	THA2	
141	12D301Đ017	Trần Quốc	Cường	08.07.93	12CĐ-Đ1	8.0	3.5	5.8	5.8	Trung bình
142	12D301Đ037	Đoàn Ngọc	Đạt	10.12.93	12CĐ-Đ1	7.0	6.5	6.8	6.8	Trung bình
143	12D301Đ038	Trần Văn	Đạt	28.10.94	12CĐ-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
144	12D301Đ021	Phạm Văn	Diện	10.04.93	12CĐ-Đ1	8.0	5.5	6.8	6.8	Trung bình
145	12D301Đ022	Nguyễn Thanh	Dinh	18.06.94	12CĐ-Đ1	4.0	1.0	xx	THA1+THA2	
146	12D301Đ041	Nguyễn	Đình	28.05.94	12CĐ-Đ1	7.0	1.0	xx	THA2	
147	12D301Đ043	Nguyễn Văn	Đông	06.01.91	12CĐ-Đ1	7.0	5.0	6.0	6	Trung bình
148	12D301Đ023	Trần Cung	Duẩn	25.09.92	12CĐ-Đ1	6.5	1.0	xx	THA2	
149	12D301Đ045	Nguyễn Xuân	Đức	08.09.94	12CĐ-Đ1	5.5	1.0	xx	THA2	
150	12D301Đ025	Đỗ Thanh	Dũng	21.04.91	12CĐ-Đ1	6.5	1.5	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
151	12D301Đ026	Phạm Quốc	Dũng	30.06.93	12CD-Đ1	7.0	1.0	xx	THA2	
152	12D301Đ027	Trần Minh	Dũng	27.11.94	12CD-Đ1	7.5	3.0	5.3	5.3	Trung bình
153	12D301Đ029	Hồ Anh	Duy	16.06.94	12CD-Đ1	7.0	3.5	5.3	5.3	Trung bình
154	12D301Đ030	Hồ Sĩ	Duy	27.08.91	12CD-Đ1	7.0	2.5	xx	THA2	
155	12D301Đ031	Nguyễn	Duy	22.10.93	12CD-Đ1	8.5	1.0	xx	THA2	
156	12D301Đ034	Vũ Ngọc	Duy	22.11.94	12CD-Đ1	6.0	1.0	xx	THA2	
157	12D301Đ049	Lê Xuân	Hải	07.05.93	12CD-Đ1	5.5	3.0	4.3	THA2	
158	12D301Đ050	Nguyễn Hữu	Hải	24.03.94	12CD-Đ1	5.0	1.5	xx	THA2	
159	11D0010126	Nguyễn Văn	Hải	10.02.92	12CD-Đ1	6.5	2.0	xx	THA2	
160	12D301Đ051	Phạm Thanh	Hải	12.11.93	12CD-Đ1	8.0	5.0	6.5	6.5	Trung bình
161	12D301Đ053	Nguyễn Trọng	Hậu	02.11.94	12CD-Đ1	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
162	11D0010026	Phạm Trung	Hậu	01.10.93	12CD-Đ1	5.0	1.5	xx	THA2	
163	12D301Đ054	Trần Thanh	Hậu	25.11.93	12CD-Đ1	7.0	2.0	xx	THA2	
164	11D0010133	Nguyễn Văn	Hiền	27.12.91	12CD-Đ1	5.0	1.5	xx	THA2	
165	11D0010137	Doãn Bá	Hiếu	10.09.93	12CD-Đ1	5.0	1.0	xx	THA2	
166	12D301Đ058	Lê Trung	Hiếu	10.02.94	12CD-Đ1	5.0	-	xx	THA2	
167	12D301Đ059	Lâm Minh	Hoàng	07.11.94	12CD-Đ1	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
168	12D301Đ065	Nguyễn Phát	Hưng	10.06.94	12CD-Đ1	7.0	-	xx	THA2	
169	12D301Đ066	Đoàn Văn	Huy	08.01.94	12CD-Đ1	6.0	1.5	xx	THA2	
170	12D301Đ067	Hoàng Công	Huy	20.07.94	12CD-Đ1	6.0	1.5	xx	THA2	
171	12D301Đ070	Vũ Anh	Huy	16.05.94	12CD-Đ1	8.0	1.5	xx	THA2	
172	12D301Đ071	Trương Thành	Khoa	24.03.94	12CD-Đ1	7.0	6.0	6.5	6.5	Trung bình
173	12D301Đ073	Đặng Văn	Lên	17.08.94	12CD-Đ1	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
174	12D301Đ074	Phạm Tài	Lộc	26.01.94	12CD-Đ1	6.0	1.5	xx	THA2	
175	12D301Đ078	Lê Thành	Luân	04.01.94	12CD-Đ1	5.0	2.0	xx	THA2	
176	12D301Đ079	Nguyễn Minh	Luân	10.06.94	12CD-Đ1	7.0	1.0	xx	THA2	
177	12D301Đ077	Hồ Thanh	Luận	05.07.92	12CD-Đ1	6.0	4.0	5.0	5	Trung bình
178	12D301Đ089	Bùi Hữu	Nghĩa	17.07.92	12CD-Đ1	7.0	5.5	6.3	6.3	Trung bình
179	12D301Đ091	Mai Thái	Nguyên	07.03.93	12CD-Đ1	7.0	6.0	6.5	6.5	Trung bình
180	12D301Đ097	Trần Ngọc	Nhật	19.08.94	12CD-Đ1	7.0	5.5	6.3	6.3	Trung bình
181	12D301Đ101	Mai Tấn	Phát	24.04.93	12CD-Đ1	7.5	5.5	6.5	6.5	Trung bình
182	12D301Đ109	Nguyễn Việt Hải	Phong	05.12.93	12CD-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
183	12D301Đ113	Phạm Văn	Quý	11.03.93	12CD-Đ1	7.5	5.5	6.5	6.5	Trung bình
184	11D0010306	Bùi Tấn	Tài	01.03.93	12CD-Đ1	6.0	2.5	xx	THA2	
185	12D301Đ117	Nguyễn Ngọc	Tài	01.01.94	12CD-Đ1	7.0	5.0	6.0	6	Trung bình
186	12D301Đ125	Nguyễn Tiến	Thành	13.11.92	12CD-Đ1	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
187	12D301Đ129	Dương Tuấn	Thảo	29.09.94	12CD-Đ1	7.0	5.0	6.0	6	Trung bình
188	12D301Đ133	Trịnh Xuân	Thịnh	12.06.93	12CD-Đ1	8.0	7.0	7.5	7.5	Khá
189	12D301Đ141	Huỳnh Minh	Tiến	20.05.94	12CD-Đ1	8.5	7.0	7.8	7.8	Khá
190	12D301Đ153	Nguyễn Lê Quang	Trung	04.06.94	12CD-Đ1	8.0	6.0	7.0	7	Khá
191	11D0010301	Phan Quốc	Tú	13.09.93	12CD-Đ1	7.0	6.0	6.5	6.5	Trung bình
192	11D0010265	Lê Trần Quốc	Tuấn	01.04.93	12CD-Đ1	7.0	-	xx	THA2	
193	12D301Đ165	Trần Quốc	Việt	19.09.94	12CD-Đ1	7.0	-	xx	THA2	
194	12D301Đ169	Nguyễn Khắc	Vũ	06.08.94	12CD-Đ1	7.0	4.0	5.5	5.5	Trung bình
195	12D301Đ004	Nguyễn Hoàng	Anh	17.10.94	12CD-Đ2	6.0	1.5	xx	THA2	
196	12D301Đ012	Nguyễn Công	Chiến	10.07.94	12CD-Đ2	7.0	1.5	xx	THA2	
197	12D301Đ016	Nguyễn Cao	Cường	02.01.94	12CD-Đ2	7.0	1.5	xx	THA2	
198	12D301Đ036	Nguyễn Hải	Đăng	12.12.93	12CD-Đ2	6.0	2.0	xx	THA2	
199	12D301Đ020	Nguyễn Thành	Diên	30.03.94	12CD-Đ2	7.0	1.5	xx	THA2	
200	12D301Đ040	Huỳnh Thanh	Điệp	10.02.93	12CD-Đ2	7.5	1.5	xx	THA2	
201	11D0010023	Lê Cảnh	Đức	29.03.93	12CD-Đ2	9.0	6.0	7.5	7.5	Khá
202	12D301Đ032	Nguyễn Phước Quý	Duy	01.01.93	12CD-Đ2	9.0	-	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
203	12D301Đ052	Hà Công	Hậu	20.12.94	12CĐ-Đ2	9.0	2.0	xx	THA2	
204	12D301Đ056	Đặng Minh	Hiếu	29.08.94	12CĐ-Đ2	2.0	-	xx	THA1+THA2	
205	11D0010153	Lê Trung	Kiên	23.09.93	12CĐ-Đ2	6.0	5.5	5.8	5.8	Trung bình
206	12D301Đ076	Võ Lý	Long	30.12.94	12CĐ-Đ2	7.5	1.5	xx	THA2	
207	12D301Đ080	Trần Văn	Lực	17.05.94	12CĐ-Đ2				THA1+THA2	
208	12D301Đ083	Trần Kim	Minh	19.08.94	12CĐ-Đ2	8.5	-	xx	THA2	
209	12D301Đ084	Ngô Anh	Nam	06.11.93	12CĐ-Đ2	9.0	2.0	xx	THA2	
210	12D301Đ088	Hà Tấn	Ngân	18.11.94	12CĐ-Đ2			xx	THA1+THA2	
211	12D301Đ092	Nguyễn Ngọc	Nguyên	04.06.94	12CĐ-Đ2	7.5	1.0	xx	THA2	
212	12D301Đ094	Phạm	Nhân	10.01.94	12CĐ-Đ2	9.0	1.0	xx	THA2	
213	12D301Đ095	Tạ Thiện	Nhân	12.12.94	12CĐ-Đ2	6.5	4.5	5.5	5.5	Trung bình
214	12D301Đ096	Huỳnh Hữu	Nhất	19.07.94	12CĐ-Đ2	7.5	1.5	xx	THA2	
215	12D301Đ098	Lê Tấn	Ninh	21.01.94	12CĐ-Đ2	5.5	1.5	xx	THA2	
216	12D301Đ099	Nguyễn Xuân	Nở	15.02.93	12CĐ-Đ2	7.5	1.5	xx	THA2	
217	12D301Đ100	Võ Tấn	Pháp	20.10.90	12CĐ-Đ2	7.5	-	xx	THA2	
218	12D301Đ102	Nguyễn Hồng	Phát	14.05.94	12CĐ-Đ2	8.0	1.5	xx	THA2	
219	12D301Đ107	Đoàn Thanh	Phong	05.09.94	12CĐ-Đ2	5.0	1.5	xx	THA2	
220	12D301Đ111	Đặng	Quý	19.02.94	12CĐ-Đ2	7.5	2.5	xx	THA2	
221	12D301Đ114	Nguyễn Thanh	Quyền	18.11.94	12CĐ-Đ2	2.0	-	xx	THA1+THA2	
222	12D301Đ115	Ong Dù	Sén	19.11.94	12CĐ-Đ2	8.0	2.0	xx	THA2	
223	12D301Đ116	Nguyễn Văn	Son	30.01.94	12CĐ-Đ2	6.0	-	xx	THA2	
224	11D0010059	Nguyễn Trường	Son	27.12.89	12CĐ-Đ2				THA1+THA2	
225	12D301Đ118	Nguyễn Ngọc	Tài	17.05.94	12CĐ-Đ2	7.0	1.5	xx	THA2	
226	12D301Đ119	Nguyễn Hoàng	Tâm	05.12.94	12CĐ-Đ2	7.0	-	xx	THA2	
227	12D301Đ120	Đỗ Như	Tân	27.05.92	12CĐ-Đ2	8.0	-	xx	THA2	
228	12D301Đ123	Đoàn Hữu	Thắng	05.02.94	12CĐ-Đ2	9.0	3.0	6.0	6	Trung bình
229	11D0010296	Giang Hoài	Thanh	15.10.93	12CĐ-Đ2	8.5	2.0	xx	THA2	
230	12D301Đ128	Võ	Thanh	08.01.94	12CĐ-Đ2	6.5	1.5	xx	THA2	
231	12D301Đ126	Nguyễn Văn	Thành	02.12.94	12CĐ-Đ2	7.0	1.5	xx	THA2	
232	12D301Đ132	Võ Văn	Thiết	17.01.94	12CĐ-Đ2	7.5	-	xx	THA2	
233	12D301Đ136	Ngô Minh	Thông	09.01.94	12CĐ-Đ2	4.0	-	xx	THA1+THA2	
234	12D301Đ138	Nguyễn Văn	Thương	15.08.94	12CĐ-Đ2	7.0	1.5	xx	THA2	
235	12D301Đ140	Võ Văn	Thương	22.09.93	12CĐ-Đ2	9.0	5.5	7.3	7.3	Trung bình
236	12D301Đ143	Tô Văn	Tính	00.00.91	12CĐ-Đ2	6.0	2.0	xx	THA2	
237	11D0010071	Nguyễn Lâm	Toàn	06.07.92	12CĐ-Đ2	8.5	4.0	6.3	6.3	Trung bình
238	12D301Đ147	Đỗ Minh	Trí	04.09.94	12CĐ-Đ2	7.0	4.0	5.5	5.5	Trung bình
239	11D0010074	Võ Trọng	Trí	21.09.92	12CĐ-Đ2	5.0	-	xx	THA2	
240	12D301Đ148	Nguyễn Thanh	Triệu	14.07.94	12CĐ-Đ2	9.0	2.5	xx	THA2	
241	12D301Đ150	Nguyễn Hữu	Trọng	28.01.94	12CĐ-Đ2	8.5	1.5	xx	THA2	
242	12D301Đ152	Huỳnh Ngọc	Trung	24.12.94	12CĐ-Đ2	9.0	2.5	xx	THA2	
243	12D301Đ156	Võ Anh	Trung	24.04.94	12CĐ-Đ2	8.0	1.5	xx	THA2	
244	11D0010078	Huỳnh Anh	Tuấn	16.04.93	12CĐ-Đ2	7.5	1.5	xx	THA2	
245	12D301Đ159	Lê Thanh Anh	Tuấn	06.06.94	12CĐ-Đ2	6.0	1.5	xx	THA2	
246	12D301Đ160	Nguyễn Công	Tuấn	04.07.94	12CĐ-Đ2	5.0	1.0	xx	THA2	
247	12D301Đ162	Kim Thanh	Tùng	01.11.94	12CĐ-Đ2	9.0	3.0	6.0	6	Trung bình
248	12D301Đ164	Võ Văn	Tý	10.09.93	12CĐ-Đ2	8.0	1.5	xx	THA2	
249	11D0010304	Trần Anh	Văn	28.08.93	12CĐ-Đ2	5.5	-	xx	THA2	
250	12D301Đ166	Dương Quang	Vinh	15.07.94	12CĐ-Đ2	7.5	-	xx	THA2	
251	12D301Đ167	Trịnh Tấn	Vinh	02.01.93	12CĐ-Đ2	9.5	9.5	9.5	9.5	Giỏi
252	12D301Đ168	Nguyễn Hoài Phong	Vũ	18.11.94	12CĐ-Đ2	8.0	-	xx	THA2	
253	12D301Đ170	Trần Thanh	Vũ	20.06.92	12CĐ-Đ2	9.0	1.0	xx	THA2	
254	12D301Đ171	Nguyễn Hoàng	Vỹ	15.07.94	12CĐ-Đ2	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
255	12D301Đ172	Võ Văn	Yên	24.12.93	12CD-Đ2				THA1+THA2	
256	12D3010005	Bùi Thiên	Ái	17.06.93	12CD-ĐT1	8.0	1.5	xx	THA2	
257	12D3010004	Lê Bảo	Anh	16.11.92	12CD-ĐT1			xx	THA1+THA2	
258	12D3010009	Mai Thái	Bảo	14.10.94	12CD-ĐT1	9.0	-	xx	THA2	
259	12D3010012	Lê Văn	Bình	16.03.92	12CD-ĐT1	7.5	-	xx	THA2	
260	12D3010013	Trần Thanh	Bình	11.10.93	12CD-ĐT1	9.0	1.5	xx	THA2	
261	12D3010016	Nguyễn Thành	Công	05.01.94	12CD-ĐT1	8.0	-	xx	THA2	
262	12D3010017	Phạm Minh	Công	22.04.94	12CD-ĐT1	8.0	3.0	5.5	5.5	Trung bình
263	12D3010029	Nguyễn Tấn	Duy	28.02.94	12CD-ĐT1	8.0	1.5	xx	THA2	
264	12D3010037	Ngô Quang	Hải	20.08.91	12CD-ĐT1	8.0	1.5	xx	THA2	
265	12D3010041	Huỳnh Ngọc	Hiền	22.09.94	12CD-ĐT1	9.0	2.5	xx	THA2	
266	12D3010045	Lê Xuân	Hiếu	19.04.93	12CD-ĐT1	8.5	1.0	xx	THA2	
267	12D3010053	Mạch Minh	Huy	01.10.94	12CD-ĐT1	7.5	1.5	xx	THA2	
268	12D3010057	Hoàng Trường	Khanh	19.02.94	12CD-ĐT1	7.5	1.5	xx	THA2	
269	12D3010073	Võ Minh	Lợi	15.01.94	12CD-ĐT1	7.0	-	xx	THA2	
270	12D3010078	Nguyễn Chí Bình	Minh	17.12.91	12CD-ĐT1	9.5	1.5	xx	THA2	
271	12D3010082	Nguyễn Tiến	Ngọc	28.10.94	12CD-ĐT1	8.0	-	xx	THA2	
272	12D3010086	Nguyễn Thành	Nhân	16.11.93	12CD-ĐT1	7.0	-	xx	THA2	
273	12D3010089	Tô Tấn	Phát	19.08.94	12CD-ĐT1	7.5	-	xx	THA2	
274	12D3010090	Mai Lê Hoàng	Phi	20.11.94	12CD-ĐT1	8.0	-	xx	THA2	
275	12D3010092	Lê Văn	Phú	28.08.94	12CD-ĐT1	8.5	-	xx	THA2	
276	12D3010094	Nguyễn Hồng	Phúc	00.00.94	12CD-ĐT1	9.5	-	xx	THA2	
277	12D3010180	Lê Văn	Phước	19.11.93	12CD-ĐT1				THA1+THA2	
278	12D3010101	Huỳnh Tuyết	Quan	17.09.94	12CD-ĐT1	9.0	-	xx	THA2	
279	12D3010106	Trần Văn	Quý	10.02.93	12CD-ĐT1				THA1+THA2	
280	12D3010109	Võ Thanh	Sang	18.10.94	12CD-ĐT1	9.5	8.5	9.0	9	Giỏi
281	12D3010098	Hoàng Nguyễn Võ Quốc	Son	08.06.94	12CD-ĐT1	8.0	-	xx	THA2	
282	12D3010113	Nguyễn Phi	Son	15.05.94	12CD-ĐT1				THA1+THA2	
283	11D0060156	Đình Thành	Tài	01.04.91	12CD-ĐT1			xx	THA1+THA2	
284	12D3010118	Nguyễn Văn Bé	Tám	22.04.90	12CD-ĐT1	6.0	-	xx	THA2	
285	12D3010123	Nguyễn Văn	Tặng	28.12.94	12CD-ĐT1	8.0	-	xx	THA2	
286	12D3010124	Nguyễn Thanh	Tàu	24.10.94	12CD-ĐT1	7.5	-	xx	THA2	
287	12D3010126	Phạm Ngọc	Thạch	10.03.94	12CD-ĐT1	8.5	1.5	xx	THA2	
288	12D3010128	Phạm Văn	Thái	09.06.93	12CD-ĐT1	7.0	-	xx	THA2	
289	12D3010134	Nguyễn Hải Kỳ	Thanh	15.09.94	12CD-ĐT1	8.0	1.5	xx	THA2	
290	12D3010133	Huỳnh Minh	Thành	22.09.94	12CD-ĐT1	7.5	-	xx	THA2	
291	12D3010140	Lê Hoàng	Thiện	06.07.94	12CD-ĐT1	9.0	6.5	7.8	7.8	Khá
292	12D3010144	Mai Hoài	Thư	23.09.94	12CD-ĐT1	8.5	1.5	xx	THA2	
293	12D3010145	Lê Hoàng	Thức	10.03.93	12CD-ĐT1	9.0	1.5	xx	THA2	
294	12D3010149	Nguyễn Đức	Toàn	16.03.94	12CD-ĐT1	8.0	1.0	xx	THA2	
295	12D3010150	Nguyễn Minh	Trí	13.06.94	12CD-ĐT1	9.0	-	xx	THA2	
296	12D3010154	Nguyễn Văn	Trình	10.05.94	12CD-ĐT1	4.0	-	xx	THA1+THA2	
297	12D3010156	Nguyễn Hoài	Trọng	20.11.94	12CD-ĐT1	5.5	-	xx	THA2	
298	12D3010157	Nguyễn Trung	Trực	02.11.94	12CD-ĐT1	8.0	-	xx	THA2	
299	12D3010158	Trần Đức	Trung	28.03.94	12CD-ĐT1	6.5	-	xx	THA2	
300	12D3010161	Nguyễn Thanh	Trường	21.08.94	12CD-ĐT1	8.5	1.5	xx	THA2	
301	12D3010162	Trần Công Quốc	Trường	15.11.93	12CD-ĐT1	8.5	1.0	xx	THA2	
302	12D3010165	Lê Hoàng	Tuấn	25.09.94	12CD-ĐT1	5.0	1.5	xx	THA2	
303	11D0060190	Trần Cảnh	Tuấn	20.05.93	12CD-ĐT1	5.0	-	xx	THA2	
304	12D3010169	Trần Thanh	Tùng	01.01.94	12CD-ĐT1			xx	THA1+THA2	
305	12D3010172	Đình Đức	Việt	26.10.93	12CD-ĐT1	4.0	-	xx	THA1+THA2	
306	12D3010174	Trần Văn	Vinh	03.09.94	12CD-ĐT1	8.5	-	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
307	12D3010176	Nguyễn Tuấn	Vũ	11.04.92	12CD-ĐT1				THA1+THA2	
308	12D3010178	Nguyễn Ngọc	Vương	20.02.93	12CD-ĐT1	6.0	-	xx	THA2	
309	12D3010003	Hà Việt	Anh	12.09.93	12CD-ĐT2	8.0	1.0	xx	THA2	
310	12D3010010	Tô Thanh	Bảo	04.03.94	12CD-ĐT2	5.5	2.0	xx	THA2	
311	11D0060082	Nguyễn Văn	Chung	03.05.91	12CD-ĐT2	8.0	1.0	xx	THA2	
312	12D3010015	Lã Văn	Công	20.05.93	12CD-ĐT2	4.0	2.0	xx	THA1+THA2	
313	11D0060083	Nguyễn Chí	Công	14.07.93	12CD-ĐT2	8.0	-	xx	THA2	
314	12D3010018	Trần Viết	Công	16.07.94	12CD-ĐT2	5.0	6.5	5.8	5.8	Trung bình
315	12D3010019	Lê Văn	Cường	12.05.94	12CD-ĐT2	9.5	8.0	8.8	8.8	Giỏi
316	12D3010022	Phí Quốc	Cường	08.07.94	12CD-ĐT2			xx	THA1+THA2	
317	12D3010030	Nguyễn Hải	Đăng	24.01.94	12CD-ĐT2	8.5	10.0	9.3	9.3	Giỏi
318	12D3010031	Nguyễn Khắc	Diệp	10.10.94	12CD-ĐT2			xx	THA1+THA2	
319	12D3010032	Nguyễn Quốc	Đinh	05.09.93	12CD-ĐT2	6.5	3.0	4.8	THA2	
320	12D3010024	Nguyễn Văn	Doanh	11.09.94	12CD-ĐT2	6.0	1.5	xx	THA2	
321	12D3010034	Hồ Duy	Đông	13.09.94	12CD-ĐT2	7.0	1.0	xx	THA2	
322	12D3010028	Lương Minh	Dương	29.02.92	12CD-ĐT2	-	-	xx	THA1+THA2	
323	12D3010036	Lê Công	Guim	10.07.94	12CD-ĐT2	6.0	1.0	xx	THA2	
324	12D3010038	Nguyễn Huy	Hải	08.02.94	12CD-ĐT2	7.5	-	xx	THA2	
325	12D3010039	Nguyễn Trọng	Hải	12.11.94	12CD-ĐT2	8.0	-	xx	THA2	
326	12D3010040	Nguyễn Phúc	Hậu	25.05.94	12CD-ĐT2	4.0	-	xx	THA1+THA2	
327	12D3010042	Phan Thái	Hiền	16.11.92	12CD-ĐT2	7.0	-	xx	THA2	
328	12D3010044	Trần Văn	Hiệp	19.05.94	12CD-ĐT2	9.0	-	xx	THA2	
329	12D3010046	Nguyễn Đức	Hiếu	17.07.94	12CD-ĐT2	6.5	-	xx	THA2	
330	11D0060107	Đinh Bảo	Hòa	14.06.93	12CD-ĐT2	9.0	3.0	6.0	6	Trung bình
331	12D3010050	Nguyễn Việt	Hung	01.02.94	12CD-ĐT2	8.0	-	xx	THA2	
332	12D3010052	Huỳnh Ngọc	Huy	16.11.94	12CD-ĐT2	9.0	3.5	6.3	6.3	Trung bình
333	12D3010056	Trần Ngọc	Kha	08.08.94	12CD-ĐT2	7.5	-	xx	THA2	
334	12D3010058	Phan Trọng	Khánh	22.05.94	12CD-ĐT2	7.5	-	xx	THA2	
335	12D3010062	Trần Quốc	Khoa	09.01.94	12CD-ĐT2	9.5	2.0	xx	THA2	
336	12D3010066	La Tuấn	Kiệt	20.11.94	12CD-ĐT2	9.5	1.5	xx	THA2	
337	12D3010068	Lương Trọng	Lập	05.08.94	12CD-ĐT2	7.5	-	xx	THA2	
338	12D3010070	Nguyễn Tấn	Linh	29.08.94	12CD-ĐT2	9.5	1.5	xx	THA2	
339	12D3010071	Nguyễn Văn	Linh	02.12.93	12CD-ĐT2	3.0	-	xx	THA1+THA2	
340	11D0060032	Nguyễn Nhật	Linh	22.03.93	12CD-ĐT2				THA1+THA2	
341	12D3010072	Nguyễn Tài	Lợi	16.10.93	12CD-ĐT2	8.0	1.5	xx	THA2	
342	12D3010074	Nguyễn Bảo	Long	26.05.94	12CD-ĐT2	8.0	2.0	xx	THA2	
343	12D3010083	Nguyễn Văn	Nhạc	15.07.94	12CD-ĐT2			xx	THA1+THA2	
344	12D3010087	Nguyễn Hoàng	Nhật	27.11.94	12CD-ĐT2			xx	THA1+THA2	
345	12D3010091	Mong Hoàng	Phong	05.11.94	12CD-ĐT2	9.5	-	xx	THA2	
346	12D3010095	Nguyễn Hồng	Phúc	30.04.92	12CD-ĐT2			xx	THA1+THA2	
347	12D3010100	Huỳnh Thanh	Quan	28.07.94	12CD-ĐT2	7.5	3.0	5.3	5.3	Trung bình
348	12D3010107	Ngô Thanh	Sang	20.10.94	12CD-ĐT2	7.0	1.5	xx	THA2	
349	12D3010111	Chí Ngọc	Sơn	16.09.94	12CD-ĐT2	7.0	1.5	xx	THA2	
350	12D3010119	Trần Ngọc Anh	Tâm	24.09.94	12CD-ĐT2	8.0	-	xx	THA2	
351	10D0060168	Võ Văn	Tân	30.09.87	12CD-ĐT2	8.0	-	xx	THA2	
352	12D3010131	Nguyễn Quốc	Thắng	29.06.94	12CD-ĐT2	3.0	-	xx	THA1+THA2	
353	12D3010139	Dương Anh	Thi	01.04.93	12CD-ĐT2			xx	THA1+THA2	
354	12D3010151	Nguyễn Trọng	Trí	29.11.94	12CD-ĐT2			xx	THA1+THA2	
355	12D3010181	Lê Hoài	Trương	10.10.94	12CD-ĐT2			xx	THA1+THA2	
356	12D3010163	Phạm Văn	Truyền	27.05.94	12CD-ĐT2	8.5	1.5	xx	THA2	
357	11D0060192	Trương Ngọc	Việt	02.06.93	12CD-ĐT2				THA1+THA2	
358	12D3010175	Nguyễn Tăng	Vũ	06.07.94	12CD-ĐT2	6.5	-	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
359	12D2040002	Trần Phạm Đăng	Bình	23.09.93	12CD-M	5.0	1.0	xx	THA2	
360	12D2040003	Nguyễn Vũ Minh	Châu	06.10.88	12CD-M	8.0	6.5	7.3	7.3	Khá
361	12D2040005	Dương Thị	Dung	13.02.89	12CD-M	7.0	1.5	xx	THA2	
362	12D2040006	Nguyễn Thị	Dung	10.05.94	12CD-M	8.5	3.0	5.8	5.8	Trung bình
363	12D2040034	Phan Thị Hà	Giang	22.04.94	12CD-M	8.0	1.5	xx	THA2	
364	12D2040009	Lê Thị Minh	Giương	29.11.94	12CD-M			xx	THA1+THA2	
365	12D2040010	Lê Giang Châu Vĩnh	Hạ	13.06.93	12CD-M	7.0	5.0	6.0	6	Trung bình
366	12D2040013	Huỳnh Thị Kim	Liên	20.04.94	12CD-M	7.0	1.5	xx	THA2	
367	12D2040014	Nguyễn Thị	Linh	12.02.92	12CD-M	8.0	-	xx	THA2	
368	12D2040015	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	06.10.94	12CD-M	7.0	-	xx	THA2	
369	12D2040016	Nguyễn Thị	Nam	08.06.94	12CD-M	5.5	-	xx	THA2	
370	12D2040017	Đỗ Văn	Nay	20.12.91	12CD-M	4.0	1.0	xx	THA1+THA2	
371	12D2040018	Nguyễn Thị Thúy	Nga	20.04.94	12CD-M	7.0	1.5	xx	THA2	
372	12D2040019	Phạm Thị Thảo	Nguyên	24.04.94	12CD-M	7.5	2.0	xx	THA2	
373	12D2040020	Nguyễn Văn	Nhân	29.04.94	12CD-M	5.0	1.0	xx	THA2	
374	12D2040021	Trịnh Thị	Nhung	11.11.93	12CD-M	6.0	1.5	xx	THA2	
375	12D2040022	Võ Ngọc Bằng	Tâm	09.03.93	12CD-M	6.5	1.5	xx	THA2	
376	12D2040023	Nguyễn Thị Yến	Thanh	20.10.94	12CD-M	7.5	1.5	xx	THA2	
377	12D2040024	Phạm Thị	Thanh	20.11.92	12CD-M	7.5	-	xx	THA2	
378	12D2040025	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	27.08.94	12CD-M	7.0	4.0	5.5	5.5	Trung bình
379	12D2040027	Nguyễn Thị Kim	Thy	10.09.94	12CD-M	9.0	5.0	7.0	7	Trung bình
380	12D2040028	Nguyễn Thị Huyền	Trân	25.10.94	12CD-M	8.5	3.0	5.8	5.8	Trung bình
381	12D2040029	Dương Thị Xuân	Trang	07.07.94	12CD-M	8.0	1.5	xx	THA2	
382	12D2040030	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25.07.92	12CD-M	6.5	1.5	xx	THA2	
383	12D2040031	Ngô Thị Ngọc	Tuyết	14.03.94	12CD-M	8.0	1.5	xx	THA2	
384	12D2040032	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	21.02.94	12CD-M	7.5	1.5	xx	THA2	
385	11D0080069	Nguyễn Phạm Hải	Yến	06.07.92	12CD-M	6.0	1.5		THA2	
386	12D2060003	Đặng Công	Bình	05.04.93	12CD-NL1	7.0	-	xx	THA2	
387	11D0070001	Đỗ Văn	Cường	05.02.93	12CD-NL1	7.5	4.0	5.8	5.8	Trung bình
388	12D2060012	Phạm Quang	Duy	15.03.94	12CD-NL1	5.0	1.0	xx	THA2	
389	11D0070037	Nguyễn Ngọc	Hải	16.04.93	12CD-NL1	5.0	1.5	xx	THA2	
390	12D2060018	Nguyễn Văn	Hào	19.09.92	12CD-NL1	5.5	1.0	xx	THA2	
391	12D2060024	Trần Bá	Hùng	06.09.93	12CD-NL1	5.0	-	xx	THA2	
392	12D2060026	Nguyễn Văn	Khân	10.09.94	12CD-NL1	7.0	-	xx	THA2	
393	12D2060030	Hạp Tiến Duy	Khoa	27.11.94	12CD-NL1	5.5	-	xx	THA2	
394	12D2060032	Đoàn Bùi Nam	Kỳ	19.09.90	12CD-NL1	5.0	-	xx	THA2	
395	12D2060034	Nguyễn Văn	Lai	30.07.91	12CD-NL1			xx	THA1+THA2	
396	12D2060036	Ngô Đình	Lâm	12.04.94	12CD-NL1	5.0	-	xx	THA2	
397	12D2060040	Trịnh Ngọc	Linh	09.08.92	12CD-NL1	5.0	-	xx	THA2	
398	12D2060042	Nguyễn Văn	Long	04.01.94	12CD-NL1	3.0	1.0	xx	THA1+THA2	
399	12D2060044	Võ Thanh	Luân	09.07.94	12CD-NL1	5.0	1.0	xx	THA2	
400	12D2060046	Đỗ Hoàng	Nam	15.08.94	12CD-NL1	5.0	-	xx	THA2	
401	12D2060052	Trình Hồng	Phúc	09.05.93	12CD-NL1	7.5	1.0	xx	THA2	
402	12D2060054	Lương Thế	Quân	05.12.93	12CD-NL1				THA1+THA2	
403	12D2060058	Nguyễn Văn	Quý	01.01.92	12CD-NL1	3.0	-	xx	THA1+THA2	
404	12D2060060	Trần Thanh	Sang	02.06.94	12CD-NL1	6.5	-	xx	THA2	
405	12D2060064	Nguyễn Minh	Tâm	16.06.94	12CD-NL1				THA1+THA2	
406	11D0070057	Nguyễn Thanh	Tân	10.12.91	12CD-NL1	6.0	-	xx	THA2	
407	12D2060066	Nguyễn Minh	Thành	26.04.91	12CD-NL1	7.0	-	xx	THA2	
408	12D2060068	Trần Minh	Thảo	16.03.94	12CD-NL1	6.0	-	xx	THA2	
409	12D2060070	Trần Minh	Thơm	16.03.94	12CD-NL1	6.5	-	xx	THA2	
410	12D2060072	Nguyễn Đức	Toàn	15.01.94	12CD-NL1	8.0	-	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
411	12D2060074	Huỳnh Bá	Triết	28.03.94	12CD-NL1	7.0	-	xx	THA2	
412	12D2060076	Nguyễn Đức	Trọng	27.09.91	12CD-NL1	7.5	3.0	5.3	5.3	Trung bình
413	12D2060078	Nguyễn Cao	Trung	21.04.90	12CD-NL1	7.0	-	xx	THA2	
414	12D2060080	Nguyễn Minh	Trung	21.02.94	12CD-NL1	6.0	-	xx	THA2	
415	12D2060086	Lý Thanh	Tuấn	11.01.94	12CD-NL1	5.5	-	xx	THA2	
416	12D2060090	Nguyễn	Út	22.04.94	12CD-NL1	3.0	1.0	xx	THA1+THA2	
417	12D2060094	Nguyễn Minh	Vũ	13.03.92	12CD-NL1	5.5	1.5	xx	THA2	
418	12D2060002	Nguyễn Vương	Anh	14.11.94	12CD-NL2	7.5	6.0	6.8	6.8	Trung bình
419	12D2060004	Đặng Thiên	Bình	29.04.93	12CD-NL2	7.0	4.5	5.8	5.8	Trung bình
420	12D2060006	Trương Ngô	Chí	22.05.92	12CD-NL2	7.0	-	xx	THA2	
421	12D2060009	Đặng Thế	Công	13.11.94	12CD-NL2	7.5	1.5	xx	THA2	
422	12D2060011	Nguyễn Văn	Danh	01.01.94	12CD-NL2	5.0	-	xx	THA2	
423	12D2060023	Phan Minh	Hùng	05.10.93	12CD-NL2	5.0	1.5	xx	THA2	
424	12D2060025	Nguyễn Từ	Huy	01.03.93	12CD-NL2			xx	THA1+THA2	
425	12D2060027	Nguyễn Đình	Khánh	10.09.94	12CD-NL2	6.0	3.0	4.5	THA2	
426	12D2060029	Đoàn Văn	Khoa	08.02.94	12CD-NL2	5.0	-	xx	THA2	
427	12D2060033	Hoàng Tiến	Kỳ	20.02.94	12CD-NL2	5.0	1.5	xx	THA2	
428	12D2060039	Phạm Duy	Linh	27.06.94	12CD-NL2	5.0	-	xx	THA2	
429	12D2060043	Trịnh Đình	Luận	01.03.93	12CD-NL2	5.0	1.5	xx	THA2	
430	12D2060045	Nguyễn Văn	Minh	07.09.94	12CD-NL2	5.0	-	xx	THA2	
431	12D2060047	Phùng Lê Trọng	Nghĩa	15.03.94	12CD-NL2	2.0	-	xx	THA1+THA2	
432	12D2060051	Lê Hồng	Phú	01.01.94	12CD-NL2	6.0	-	xx	THA2	
433	12D2060053	Trần Văn	Phước	20.03.94	12CD-NL2	6.5	1.5	xx	THA2	
434	12D2060057	Lê Phước	Quý	08.10.91	12CD-NL2	7.5	1.5	xx	THA2	
435	12D2060059	Nguyễn Hoàng	Sang	04.10.94	12CD-NL2	6.0	2.5	xx	THA2	
436	12D2060061	Nguyễn Văn	Son	16.02.94	12CD-NL2	5.0	1.5	xx	THA2	
437	12D2060063	Lê Nguyễn Đức	Tài	11.04.94	12CD-NL2	5.5	6.0	5.8	5.8	Trung bình
438	12D2060065	Bùi Văn	Thân	17.02.93	12CD-NL2	6.0	1.5	xx	THA2	
439	12D2060008	Bùi Văn	Thắng	02.07.94	12CD-NL2	7.5	1.5	xx	THA2	
440	12D2060067	Nguyễn Hiếu	Thảo	27.03.94	12CD-NL2	5.0	1.5	xx	THA2	
441	12D2060069	Thân Hải	Thọ	21.10.89	12CD-NL2	5.0	1.5	xx	THA2	
442	12D2060075	Võ Long	Triều	09.02.94	12CD-NL2	7.0	-	xx	THA2	
443	12D2060079	Nguyễn Duy	Trung	26.09.94	12CD-NL2	6.5	-	xx	THA2	
444	12D2060083	Nguyễn Minh	Trường	13.01.93	12CD-NL2	3.5	1.5	xx	THA1+THA2	
445	12D2060085	Trần Anh	Tú	17.07.94	12CD-NL2	5.0	1.5	xx	THA2	
446	12D2060087	Nguyễn Thanh	Tuấn	23.05.85	12CD-NL2	6.0	1.5	xx	THA2	
447	12D2060089	Nguyễn Duy	Tuyển	05.04.92	12CD-NL2	3.0	1.5	xx	THA1+THA2	
448	12D2060097	Trần Huy	Vượng	03.01.93	12CD-NL2	6.0	1.0	xx	THA2	
449	12D2050001	Lê Quang	An	24.05.94	12CD-Ô1	6.0	1.5	xx	THA2	
450	12D2050003	Hoàng Xuân	Anh	07.09.94	12CD-Ô1	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	
451	12D2050005	Ngô Gia	Bảo	17.05.94	12CD-Ô1	7.5	3.5	5.5	5.5	Trung bình
452	12D2050007	Nguyễn Hoàng	Chiến	26.02.94	12CD-Ô1	8.0	-	xx	THA2	
453	12D2050015	Lê Tiến	Đạt	02.02.93	12CD-Ô1	5.0	-	xx	THA2	
454	12D2050098	Nguyễn Tiến	Đạt	25.10.94	12CD-Ô1	7.0	-	xx	THA2	
455	12D2050017	Nguyễn Anh	Đức	06.02.94	12CD-Ô1	7.5	-	xx	THA2	
456	11D0030022	Trần Bảo	Duy	10.12.93	12CD-Ô1	9.0	3.0	6.0	6	Trung bình
457	12D2050019	Nguyễn Hoàng	Giang	05.09.94	12CD-Ô1	7.0	-	xx	THA2	
458	12D2050021	Nguyễn Văn	Hào	10.04.93	12CD-Ô1	7.0	-	xx	THA2	
459	12D2050023	Nguyễn Văn	Hiền	08.09.94	12CD-Ô1	8.0	1.5	xx	THA2	
460	12D2050025	Nguyễn Ngọc	Hiếu	25.02.92	12CD-Ô1			xx	THA1+THA2	
461	12D2050027	Phạm Tấn	Hoàng	25.05.94	12CD-Ô1	7.5	5.0	6.3	6.3	Trung bình
462	12D2050031	Nguyễn Ngọc	Huy	03.10.93	12CD-Ô1	6.0	-	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
463	12D2050033	Nguyễn Văn	Huỳnh	30.07.94	12CĐ-Ô1	7.5	4.0	5.8	5.8	Trung bình
464	12D2050035	Trần Cao	Khả	15.11.93	12CĐ-Ô1	6.0	3.0	4.5	THA2	
465	12D2050036	Trần Đình Duy	Khương	16.03.94	12CĐ-Ô1	6.0	3.0	4.5	THA2	
466	12D2050038	Đặng Gia	Lạc	26.10.94	12CĐ-Ô1	9.0	3.0	6.0	6	Trung bình
467	12D2050040	Nguyễn Quang	Linh	20.05.94	12CĐ-Ô1	8.5	3.5	6.0	6	Trung bình
468	12D2050042	Phạm Minh	Long	19.08.94	12CĐ-Ô1	6.0	-	xx	THA2	
469	12D2050044	Trương Hoàng	Minh	22.02.93	12CĐ-Ô1	7.0	1.5	xx	THA2	
470	12D2050050	Trần Phúc	Nhơn	16.02.94	12CĐ-Ô1	8.5	-	xx	THA2	
471	11D0030084	Đặng	Phát	22.02.93	12CĐ-Ô1	6.5	-	xx	THA2	
472	11D0030087	Nguyễn Hoàng	Phong	30.06.91	12CĐ-Ô1	8.0	-	xx	THA2	
473	12D2050060	Huỳnh Tấn	Qui	05.06.93	12CĐ-Ô1	7.0	-	xx	THA2	
474	12D2050062	Trần Văn	Tân	05.03.93	12CĐ-Ô1	8.0	-	xx	THA2	
475	12D2050064	Nguyễn Minh	Thắng	14.04.93	12CĐ-Ô1	9.0	-	xx	THA2	
476	12D2050066	Đỗ Nhật	Thành	11.08.94	12CĐ-Ô1	7.0	8.5	7.8	7.8	Khá
477	12D2050068	Nguyễn Tiến	Thành	09.11.94	12CĐ-Ô1	8.0	3.0	5.5	5.5	Trung bình
478	12D2050073	Mai Ngọc	Thuận	20.07.94	12CĐ-Ô1	9.0	5.5	7.3	7.3	Trung bình
479	12D2050074	Nguyễn Hoàng	Thuận	22.07.94	12CĐ-Ô1	8.5	-	xx	THA2	
480	12D2050076	Lê Hoàng	Thy	07.01.94	12CĐ-Ô1	5.5	-	xx	THA2	
481	12D2050078	Trần Quang	Tin	21.07.94	12CĐ-Ô1	8.0	3.0	5.5	5.5	Trung bình
482	12D2050080	Nguyễn Thành	Toàn	19.02.94	12CĐ-Ô1	9.0	3.0	6.0	6	Trung bình
483	12D2050082	Huỳnh Thanh	Trà	02.06.94	12CĐ-Ô1	8.0	2.0	xx	THA2	
484	12D2050083	Hoàng Lê Minh	Trí	24.11.94	12CĐ-Ô1	6.5	-	xx	THA2	
485	12D2050086	Trần Minh	Trung	05.07.94	12CĐ-Ô1	7.0	-	xx	THA2	
486	11D0030422	Đỗ Quốc	Tuấn	26.02.93	12CĐ-Ô1	7.0	1.5	xx	THA2	
487	12D2050089	Nguyễn Văn	Tùng	29.11.93	12CĐ-Ô1	6.5	-	xx	THA2	
488	12D2050002	Trần Trọng	An	22.11.94	12CĐ-Ô2	9.0	3.0	6.0	6	Trung bình
489	10D0030006	Viên Tiểu	Bảo	12.09.92	12CĐ-Ô2				THA1+THA2	
490	12D2050008	Nguyễn Thế	Dân	17.11.93	12CĐ-Ô2	7.5	-	xx	THA2	
491	12D2050018	Nguyễn Hữu	Đức	09.10.92	12CĐ-Ô2	9.5	3.5	6.5	6.5	Trung bình
492	12D2050012	Nguyễn Quốc	Dũng	08.09.94	12CĐ-Ô2	9.0	1.5	xx	THA2	
493	12D2050013	Phạm Anh	Dũng	21.04.94	12CĐ-Ô2	9.5	9.5	9.5	9.5	Giỏi
494	11D0030016	Lê Tiến	Dũng	22.11.92	12CĐ-Ô2	5.5	7.5	6.5	6.5	Trung bình
495	12D2050020	Võ Minh	Giàu	12.09.94	12CĐ-Ô2	9.5	5.0	7.3	7.3	Trung bình
496	12D2050022	Tô Công	Hậu	02.01.95	12CĐ-Ô2	9.5	7.5	8.5	8.5	Giỏi
497	12D2050028	Nguyễn Văn	Hợp	24.09.93	12CĐ-Ô2	7.0	-	xx	THA2	
498	10D0030232	Cao Thế	Huân	07.03.92	12CĐ-Ô2	8.5	8.5	8.5	8.5	Giỏi
499	12D2050030	Vũ Quốc	Hưng	05.03.94	12CĐ-Ô2	7.0	1.5	xx	THA2	
500	10D0030247	Nguyễn Hoàng	Khánh	29.03.91	12CĐ-Ô2			xx	THA1+THA2	
501	11D0030273	Nguyễn Trung	Kiên	20.08.93	12CĐ-Ô2	7.0	1.5	xx	THA2	
502	12D2050037	Lê Tuấn	Kiệt	14.08.94	12CĐ-Ô2	6.0	1.0	xx	THA2	
503	11D0030277	Nguyễn Đoàn	Lâm	28.08.93	12CĐ-Ô2	5.5	1.5	xx	THA2	
504	12D2050039	Nguyễn Thế	Lâm	21.02.94	12CĐ-Ô2	7.0	1.5	xx	THA2	
505	12D2050043	Lê Minh	Luân	31.08.94	12CĐ-Ô2	8.0	7.0	7.5	7.5	Khá
506	12D2050047	Đặng Hữu	Nghĩa	17.10.94	12CĐ-Ô2	7.0	7.0	7.0	7	Khá
507	12D2050051	Phạm Tuấn	Nhật	13.04.94	12CĐ-Ô2	7.5	6.0	6.8	6.8	Trung bình
508	11D0030080	Lê Văn	Nhật	16.03.93	12CĐ-Ô2			xx	THA1+THA2	
509	11D0030083	Cao Lê Hồng	Phát	30.12.93	12CĐ-Ô2	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
510	11D0030323	Nguyễn Long	Phi	21.09.92	12CĐ-Ô2	6.0	1.5	xx	THA2	
511	12D2050053	Nguyễn Ngọc	Phú	08.10.94	12CĐ-Ô2	7.5	2.5	xx	THA2	
512	12D2050055	Đỗ Mạnh	Phúc	17.07.94	12CĐ-Ô2	8.0	7.0	7.5	7.5	Khá
513	12D2050059	Trần	Quang	29.06.94	12CĐ-Ô2	7.0	1.5	xx	THA2	
514	12D2050095	Võ Minh	Quang	12.12.94	12CĐ-Ô2	6.0	7.0	6.5	6.5	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
515	12D2050061	Đỗ Huy	Sĩ	19.06.94	12CD-Ô2	7.0	4.5	5.8	5.8	Trung bình
516	11D0030350	Hà Tuấn	Tài	11.11.92	12CD-Ô2	2.0	-	xx	THA1+THA2	
517	12D2050063	Trần Văn	Thái	07.04.94	12CD-Ô2	7.5	1.5	xx	THA2	
518	12D2050069	Trần Quang	Thành	09.04.94	12CD-Ô2	7.0	5.5	6.3	6.3	Trung bình
519	11D0030385	Nguyễn Anh	Thiết	20.03.93	12CD-Ô2	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
520	12D2050071	Nguyễn Đỗ	Thịnh	12.01.93	12CD-Ô2	9.0	6.5	7.8	7.8	Khá
521	12D2050072	Nguyễn Đức	Thịnh	09.12.94	12CD-Ô2	8.0	5.5	6.8	6.8	Trung bình
522	12D2050075	Nguyễn Thanh	Thuận	20.02.93	12CD-Ô2	7.0	1.5	xx	THA2	
523	12D2050077	Nguyễn Văn	Tí	25.02.92	12CD-Ô2	5.5	1.5	xx	THA2	
524	11D0030147	Hồ Nhật	Tiền	06.04.91	12CD-Ô2	7.5	1.5	xx	THA2	
525	11D0030397	Trương Văn	Tiền	10.07.92	12CD-Ô2	7.0	1.5	xx	THA2	
526	12D2050081	Trịnh Vĩ	Toàn	23.03.94	12CD-Ô2	7.5	1.5	xx	THA2	
527	11D0030416	Trương Hiếu	Trung	04.10.93	12CD-Ô2	7.0	1.5	xx	THA2	
528	12D2050087	Lê Xuân	Tú	10.02.94	12CD-Ô2	6.5	-	xx	THA2	
529	11D0030441	Cao Đình	Vũ	25.01.92	12CD-Ô2	5.0	-	xx	THA2	
530	13B2040001	Trần Phi	Ân	10.01.95	13TC-CKT	4.0	-	xx	THA1+THA2	
531	13B2040005	Lâm Minh	Cường	19.09.95	13TC-CKT	6.5	1.5	xx	THA2	
532	13B2040041	Huỳnh Minh	Dương	13.07.93	13TC-CKT	6.5	1.5	xx	THA2	
533	13B2040042	Trần Xuân	Giang	20.01.94	13TC-CKT	5.0	1.5	xx	THA2	
534	13B2040008	Lâm Văn	Hết	1995	13TC-CKT	8.0	1.5	xx	THA2	
535	13B2040043	Trần Duy	Hiếu	02.05.94	13TC-CKT	7.5	2.0	xx	THA2	
536	13B2040010	Nguyễn Minh	Hoàng	02.03.93	13TC-CKT	7.0	1.5	xx	THA2	
537	13B2040014	Lê Duy	Khiêm	12.09.95	13TC-CKT	6.5	2.0	xx	THA2	
538	13B2040040	Võ Tấn	Lợi	02.01.94	13TC-CKT	5.0	-	xx	THA2	
539	12B204P023	Lê Phú	Nguyên	05.03.93	13TC-CKT	6.0	1.5	xx	THA2	
540	13B2040019	Huỳnh Nguyễn Minh	Nhật	15.12.95	13TC-CKT	7.0	1.5	xx	THA2	
541	13B2040020	Văn Xuân	Phú	17.05.92	13TC-CKT			xx	THA1+THA2	
542	13B2040021	Võ Hoàng	Phúc	28.09.95	13TC-CKT			xx	THA1+THA2	
543	13B2040023	Phan Nguyễn Nam	Sang	23.08.90	13TC-CKT	6.5	1.0	xx	THA2	
544	13B2040024	Lưu Ngọc	Son	27.02.95	13TC-CKT	8.5	1.5	xx	THA2	
545	13B2040025	Trần Duy	Tâm	22.06.90	13TC-CKT	5.0	7.0	6.0	6	Trung bình
546	13B2040048	Lê Văn	Thái	16.01.92	13TC-CKT				THA1+THA2	
547	13B2040026	Nguyễn Duy	Thanh	22.03.94	13TC-CKT	8.0	9.0	8.5	8.5	Giỏi
548	13B2040028	Phạm Mẫn Phước	Thành	12.11.92	13TC-CKT	10.0	8.0	9.0	9	Giỏi
549	13B2040029	Lê Văn	Tri	28.02.95	13TC-CKT				THA1+THA2	
550	13B2040030	Nguyễn Cao	Trí	06.06.94	13TC-CKT			xx	THA1+THA2	
551	13B2040034	Lưu Minh	Tuấn	23.10.95	13TC-CKT	5.0	1.5	xx	THA2	
552	13B2040038	Võ Quốc	Tuấn	04.08.94	13TC-CKT	6.0	1.5	xx	THA2	
553	13B2040051	Nguyễn Duy	Vũ	19.07.95	13TC-CKT	1.0	-	xx	THA1+THA2	
554	13B2040053	Trần Văn	Xiên	26.07.94	13TC-CKT			xx	THA1+THA2	
555	13B2040035	Ung Hoàng	Yêm	15.08.89	13TC-CKT	6.0	-	xx	THA2	
556	13B3080001	Mai Trần Tuấn	Anh	22.09.93	13TC-Đ1	9.0	1.5	xx	THA2	
557	13B3080002	Lâm Thanh	Bình	27.03.94	13TC-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
558	13B3080004	Nguyễn	Cảnh	10.02.95	13TC-Đ1				THA1+THA2	
559	13B3080005	Dương Hữu	Công	21.07.93	13TC-Đ1	7.5	1.5	xx	THA2	
560	13B3080104	Lê Minh	Cường	04.07.94	13TC-Đ1	2.0	1.5	xx	THA1+THA2	
561	13B3080007	Nguyễn Văn	Cường	16.09.90	13TC-Đ1			xx	THA1+THA2	
562	13B3080016	Nguyễn Quang	Đại	05.08.95	13TC-Đ1	6.5	1.5	xx	THA2	
563	13B3080008	Cao Thành	Danh	30.11.93	13TC-Đ1	3.0	2.0	xx	THA1+THA2	
564	13B3080018	Nguyễn Hồng	Đức	26.03.91	13TC-Đ1	8.0	6.0	7.0	7	Khá
565	13B3080010	Nguyễn Tiến	Dũng	24.10.91	13TC-Đ1	7.5	1.5	xx	THA2	
566	13B3080019	Phạm Văn	Được	27.02.95	13TC-Đ1	7.0	-	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
567	13B3080012	Võ Hồng	Dương	19.03.92	13TC-Đ1	2.0	4.0	xx	THA1+THA2	
568	13B3080100	Nguyễn Hoàng	Gia	17.09.92	13TC-Đ1	8.0	-	xx	THA2	
569	13B3080023	Nguyễn Thanh	Hiền	20.06.93	13TC-Đ1	7.5	1.5	xx	THA2	
570	13B3080025	Hoàng Duy	Hội	28.08.91	13TC-Đ1	5.0	1.5	xx	THA2	
571	13B3080091	Hồ Xuân	Hùng	28.10.94	13TC-Đ1				THA1+THA2	
572	13B3080026	Nguyễn Cảnh	Hung	31.10.94	13TC-Đ1	8.5	2.5	xx	THA2	
573	13B3080027	Nguyễn Quốc	Hung	20.07.94	13TC-Đ1	2.0	-	xx	THA1+THA2	
574	13B3080029	Hồ Gia	Huy	17.12.93	13TC-Đ1	8.5	1.5	xx	THA2	
575	13B3080030	Lê Quốc	Huy	10.10.92	13TC-Đ1	5.0	2.0	xx	THA2	
576	13B3080031	Phùng Xương	Huy	29.09.95	13TC-Đ1			xx	THA1+THA2	
577	13B3080032	Nguyễn Văn	Khánh	17.08.95	13TC-Đ1	6.5	-	xx	THA2	
578	13B3080034	Lê Quang	Kính	27.01.94	13TC-Đ1	8.0	2.5	xx	THA2	
579	13B3080036	Trần Trung	Lâm	21.04.95	13TC-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
580	13B3080039	Hoàng Ngọc	Linh	06.11.95	13TC-Đ1	8.5	1.5	xx	THA2	
581	13B3080046	Huỳnh Trung	Ngãi	27.10.95	13TC-Đ1	6.5	1.5	xx	THA2	
582	13B3080049	Đào Văn	Phấn	24.09.95	13TC-Đ1	6.5	1.5	xx	THA2	
583	13B3080051	Ngô Hoài	Phong	02.09.92	13TC-Đ1	7.5	1.5	xx	THA2	
584	13B3080090	Nguyễn Văn	Phong	07.02.95	13TC-Đ1	2.0	1.5	xx	THA1+THA2	
585	13B3080054	Nguyễn Hữu	Phước	04.02.95	13TC-Đ1	7.0	1.0	xx	THA2	
586	13B3080055	Nguyễn Minh	Phương	16.10.94	13TC-Đ1	3.0	1.5	xx	THA1+THA2	
587	13B3080057	Trương Văn	Phượng	07.05.93	13TC-Đ1	5.5	1.5	xx	THA2	
588	13B3080058	Nguyễn Hoàng	Quân	09.03.94	13TC-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
589	13B3080060	Nguyễn Minh	Quy	30.05.94	13TC-Đ1	8.0	1.5	xx	THA2	
590	13B3080061	Nguyễn Văn	Quý	07.04.92	13TC-Đ1	6.5	1.5	xx	THA2	
591	13B3080092	Nguyễn Nhật	Tâm	20.10.95	13TC-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
592	13B3080096	Thái Hoàng	Tâm	22.06.95	13TC-Đ1	5.5	1.5	xx	THA2	
593	13B3080066	Nguyễn Đức	Thắng	03.03.95	13TC-Đ1	8.0	-	xx	THA2	
594	13B3080094	Nguyễn Tuấn	Thanh	15.07.93	13TC-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
595	13B3080068	Nguyễn Trung	Thành	04.05.95	13TC-Đ1	2.0	1.5	xx	THA1+THA2	
596	13B3080069	Võ Thiện	Thành	02.07.91	13TC-Đ1				THA1+THA2	
597	13B3080070	Mai Quý	Thiện	23.09.89	13TC-Đ1	5.0	2.0	xx	THA2	
598	13B3080097	Hoàng Quang	Thọ	10.07.93	13TC-Đ1	7.5	1.0	xx	THA2	
599	13B3080071	Vương Hoàng	Thọ	10.10.88	13TC-Đ1	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	
600	13B3080103	Lê Huyền	Thoại	23.02.94	13TC-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
601	13B3080076	Phạm Văn	Thương	02.05.95	13TC-Đ1	5.0	1.5	xx	THA2	
602	13B3080081	Vũ Minh	Toàn	02.08.95	13TC-Đ1				THA1+THA2	
603	13B3080078	Châu Quốc	Toàn	12.01.95	13TC-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
604	13B3080095	Bùi Việt	Tòng	03.04.95	13TC-Đ1	6.0	1.5	xx	THA2	
605	13B3080082	Phan Minh	Trí	10.12.95	13TC-Đ1	7.0	1.5	xx	THA2	
606	13B3080083	Nguyễn Tử	Tuân	25.12.88	13TC-Đ1	5.0	1.5	xx	THA2	
607	13B2190051	Nguyễn Chí	Bình	02.03.93	13TC-ĐL				THA1+THA2	
608	13B2190002	Trần Quốc	Công	04.01.95	13TC-ĐL			xx	THA1+THA2	
609	13B2190003	Nguyễn Văn	Đức	17.07.94	13TC-ĐL	7.5	3.0	5.3	5.3	Trung bình
610	13B2190041	Võ Ngọc Thạch Đại	Dương	19.09.93	13TC-ĐL	6.0	2.0	xx	THA2	
611	13B2190004	Lê Sỹ	Giáp	17.01.95	13TC-ĐL	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	
612	13B2190039	Nguyễn Trọng	Hiếu	30.10.91	13TC-ĐL	8.5	3.0	5.8	5.8	Trung bình
613	13B2190005	Nguyễn Trung	Hiếu	11.06.93	13TC-ĐL	5.0	1.5	xx	THA2	
614	13B2190006	Phạm Tấn	Hiếu	04.10.94	13TC-ĐL	7.5	1.5	xx	THA2	
615	13B2190008	Phạm Cao	Hoàng	21.02.95	13TC-ĐL				THA1+THA2	
616	13B2190010	Lê	Huân	16.06.94	13TC-ĐL				THA1+THA2	
617	13B2190013	Võ Tấn	Hung	11.01.94	13TC-ĐL	7.0	-	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
618	13B2190048	Manh Văn	Kha	20.04.94	13TC-ĐL	8.5	1.5	xx	THA2	
619	13B2190015	Lương Trí	Khải	28.11.95	13TC-ĐL	7.0	1.5	xx	THA2	
620	13B2190017	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	08.12.95	13TC-ĐL	8.5	1.5	xx	THA2	
621	13B2190018	Nguyễn Cao	Kỳ	11.07.91	13TC-ĐL	6.0	1.5	xx	THA2	
622	13B2190019	Nguyễn Ngọc	Mạnh	03.05.94	13TC-ĐL	7.0	1.5	xx	THA2	
623	13B2190020	Lê Văn	Nam	25.12.93	13TC-ĐL	4.0	-	xx	THA1+THA2	
624	13B2190022	Cún A	Phúc	15.02.94	13TC-ĐL	1.0	1.0	xx	THA1+THA2	
625	13B2190026	Nguyễn Trung	Tân	23.08.94	13TC-ĐL				THA1+THA2	
626	13B2190030	Huỳnh Minh	Trí	12.04.94	13TC-ĐL	5.0	1.5	xx	THA2	
627	13B2190049	Ông Đặng Hải	Triều	08.11.94	13TC-ĐL				THA1+THA2	
628	13B2190032	Phạm Minh	Trường	25.08.94	13TC-ĐL	7.5	1.5	xx	THA2	
629	13B2190031	Nguyễn Văn	Trượng	18.05.92	13TC-ĐL				THA1+THA2	
630	13B2190033	Kiên Thanh	Tùng	15.04.94	13TC-ĐL	5.0	1.5	xx	THA2	
631	13B2190035	Phan Thanh	Vĩnh	15.10.90	13TC-ĐL	6.0	2.0	xx	THA2	
632	13B3150001	Nguyễn Cao Tuấn	Anh	28.12.95	13TC-ĐT	8.5	1.5	xx	THA2	
633	13B3150002	Nguyễn Thanh	Bình	15.01.89	13TC-ĐT	5.0	-	xx	THA2	
634	13B3150027	Văn Phú	Cường	10.09.93	13TC-ĐT	6.0	1.5	xx	THA2	
635	13B3150005	Trần Nhân	Đạo	23.11.94	13TC-ĐT				THA1+THA2	
636	13B3150028	Phạm	Hiền	27.02.95	13TC-ĐT	9.0	5.0	7.0	7	Trung bình
637	13B3150032	Đỗ Khắc Bảo	Hoàng	12.10.95	13TC-ĐT				THA1+THA2	
638	13B3150008	Trần Đức	Huệ	01.05.93	13TC-ĐT	5.0	1.5	xx	THA2	
639	13B3150009	Trần Bá	Khánh	20.10.95	13TC-ĐT	4.0	-	xx	THA1+THA2	
640	13B3150010	Nguyễn Thành	Khương	21.03.95	13TC-ĐT	6.0	-	xx	THA2	
641	13B3150031	Bùi Thiện	Toàn	28.07.95	13TC-ĐT	8.0	1.5	xx	THA2	
642	13B3150021	Nguyễn Đình	Trí	07.11.93	13TC-ĐT				THA1+THA2	
643	13B3150022	Ngô Văn Minh	Trong	27.06.92	13TC-ĐT	6.5	1.5	xx	THA2	
644	13B2050001	Tạ Thị Ngọc	Ánh	13.06.94	13TC-MT	7.5	1.5	xx	THA2	
645	13B2050002	Nguyễn Thị Kim	Báu	09.02.95	13TC-MT	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	
646	13B2050003	H Muel	Byă	17.04.94	13TC-MT	7.0	1.5	xx	THA2	
647	13B2050004	Lê Thị Thu	Hiền	07.06.88	13TC-MT	5.0	5.0	5.0	5	Trung bình
648	13B2050006	Phạm Thị	Huế	05.03.94	13TC-MT	5.0	-	xx	THA2	
649	13B2050005	Huỳnh Thị	Huệ	10.01.94	13TC-MT	6.5	1.5	xx	THA2	
650	13B2050007	Trần Thị Mỹ	Hường	22.12.93	13TC-MT	7.5	-	xx	THA2	
651	13B2050008	Lê Thị Ngọc	Huyền	10.01.94	13TC-MT	7.0	1.5	xx	THA2	
652	13B2050028	Vô Kim	Lài	09.07.94	13TC-MT	7.5	-	xx	THA2	
653	13B2050009	Nguyễn Thị Ái	Linh	08.11.94	13TC-MT	6.5	1.5	xx	THA2	
654	13B2050010	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	22.07.94	13TC-MT	6.5	1.5	xx	THA2	
655	13B2050012	Trần Thị Kim	Ngân	03.06.91	13TC-MT	5.5	1.5	xx	THA2	
656	13B2050022	Nguyễn Anh	Phương	08.02.91	13TC-MT	6.5	-	xx	THA2	
657	13B2050013	Nguyễn Thị	Phượng	01.07.92	13TC-MT	6.0	1.5	xx	THA2	
658	13B2050014	Vô Thị Kim	Phượng	04.10.95	13TC-MT	9.0	1.5	xx	THA2	
659	13B2050015	Trần Thị	Tâm	25.08.94	13TC-MT	5.0	1.5	xx	THA2	
660	13B2050016	Lê Thị Kim	Thanh	20.11.94	13TC-MT	5.0	1.5	xx	THA2	
661	13B2050017	Trương Ngọc	Thoa	28.08.94	13TC-MT	5.5	5.5	5.5	5.5	Trung bình
662	13B2050020	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	19.12.95	13TC-MT	8.0	1.0	xx	THA2	
663	13B2050021	Nguyễn Thị	Tuyết	1994	13TC-MT	5.0	1.5	xx	THA2	
664	13B2050027	Lê Thị Bích	Vân	06.08.95	13TC-MT	7.5	1.5	xx	THA2	
665	13B2250004	Hà Huy	Bình	09.10.93	13TC-Ô1	5.0	-	xx	THA2	
666	13B2250008	Hoàng Trọng	Cương	03.06.91	13TC-Ô1	5.0	-	xx	THA2	
667	13B2250009	Mai Văn	Cường	27.04.94	13TC-Ô1	8.5	1.5	xx	THA2	
668	13B2250016	Trương Văn	Đại	05.07.95	13TC-Ô1	6.0	1.5	xx	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
669	13B2250017	Nguyễn Tấn	Đản	04.04.94	13TC-Ô1	5.0	1.5	xx	THA2	
670	13B2250010	Mai Công	Danh	26.06.95	13TC-Ô1				THA1+THA2	
671	13B2250014	Hồng Đình	Duy	25.11.94	13TC-Ô1	7.5	1.5	xx	THA2	
672	13B2250020	Nguyễn Vũ	Hào	29.08.95	13TC-Ô1				THA1+THA2	
673	13B2250023	Bùi Duy	Hiền	17.12.94	13TC-Ô1	7.0	1.5	xx	THA2	
674	13B2250024	Nguyễn Công	Hiệp	20.06.94	13TC-Ô1				THA1+THA2	
675	13B2250025	Võ Trung	Hiếu	07.11.95	13TC-Ô1	5.0	1.5	xx	THA2	
676	13B2250027	Nguyễn Minh	Hoàng	20.11.94	13TC-Ô1	7.5	1.5	xx	THA2	
677	13B2250103	Hoàng Dy	Hung	15.10.94	13TC-Ô1	7.0	1.5	xx	THA2	
678	13B2250028	Mai Văn	Hung	10.05.95	13TC-Ô1	6.0	1.0	xx	THA2	
679	13B2250030	Cao Quốc	Huy	20.04.94	13TC-Ô1	6.0	1.5	xx	THA2	
680	12B2250023	Mai Văn	Huynh	10.11.93	13TC-Ô1	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	
681	13B2250032	Nguyễn Thiên	Kha	14.06.95	13TC-Ô1	3.0	1.0	xx	THA1+THA2	
682	13B2250033	Hà Duy	Khánh	20.03.94	13TC-Ô1			xx	THA1+THA2	
683	13B2250035	Nguyễn Ngọc	Kỳ	16.02.94	13TC-Ô1	5.5	1.0	xx	THA2	
684	13B2250038	Bùi Ngọc	Liên	02.03.94	13TC-Ô1	5.0	-	xx	THA2	
685	13B2250041	Tấn Trần	Long	22.01.95	13TC-Ô1	8.0	1.5	xx	THA2	
686	13B2250043	Nguyễn Minh	Mẫn	21.04.94	13TC-Ô1	5.5	1.5	xx	THA2	
687	13B2250044	Hoàng Cơ	Minh	15.05.94	13TC-Ô1	8.5	1.5	xx	THA2	
688	13B2250045	Lê Hồng	Minh	20.04.95	13TC-Ô1	8.0	1.5	xx	THA2	
689	13B2250046	Lưu Tấn	Minh	06.12.94	13TC-Ô1			xx	THA1+THA2	
690	13B2250051	Phan Bá	Nguyên	20.09.93	13TC-Ô1	2.0	1.5	xx	THA1+THA2	
691	13B2250054	Trần Thanh	Phong	10.05.95	13TC-Ô1	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	
692	13B2250057	Phạm Hồng	Phúc	15.03.90	13TC-Ô1	8.0	1.5	xx	THA2	
693	13B2250100	Nguyễn Văn	Phương	20.08.91	13TC-Ô1	6.5	1.5	xx	THA2	
694	13B2250064	Nguyễn Duy	Quang	17.03.87	13TC-Ô1	7.0	3.0	5.0	5	Trung bình
695	13B2250093	Nguyễn Phước	Quang	20.08.95	13TC-Ô1	7.5	-	xx	THA2	
696	13B2250066	Lương Văn	Quyên	10.02.95	13TC-Ô1	2.0	1.5	xx	THA1+THA2	
697	13B2250012	Cao Vũ Thanh	Tài	10.10.91	13TC-Ô1	5.0	1.5	xx	THA2	
698	13B2250068	Trương Tấn	Tài	26.02.94	13TC-Ô1	5.5	1.5	xx	THA2	
699	13B2250069	Bùi Thanh	Tân	11.01.94	13TC-Ô1	6.5	-	xx	THA2	
700	12B2250043	Lê Văn	Tân	20.08.91	13TC-Ô1				THA1+THA2	
701	13B2250070	Trịnh Hồng	Thái	08.07.95	13TC-Ô1	7.5	-	xx	THA2	
702	13B2250107	Trần Quốc	Thắng	25.05.90	13TC-Ô1	9.0	3.0	6.0	6	Trung bình
703	13B2250072	Nguyễn Tấn	Thành	19.12.95	13TC-Ô1	7.5	1.5	xx	THA2	
704	13B2250074	Bùi Vũ	Thi	07.09.94	13TC-Ô1	8.0	1.5	xx	THA2	
705	13B2250075	Võ Trung	Thiên	06.08.95	13TC-Ô1	6.0	1.5	xx	THA2	
706	13B2250076	Nguyễn Đức	Thịnh	05.10.94	13TC-Ô1	6.5	-	xx	THA2	
707	13B2250077	Nguyễn Quốc	Thịnh	29.08.92	13TC-Ô1	6.5	3.0	4.8	THA2	
708	13B2250097	Nguyễn Thanh	Tiếp	12.10.95	13TC-Ô1	4.0	2.0	xx	THA1+THA2	
709	13B2250081	Đình Hùng	Tính	15.07.94	13TC-Ô1	7.5	2.0	xx	THA2	
710	13B2250105	Phan	Toàn	16.06.94	13TC-Ô1	7.0	1.5	xx	THA2	
711	13B2250083	Vũ Nhật	Trường	10.01.95	13TC-Ô1	8.0	1.5	xx	THA2	
712	13B2250084	Đào Ngọc	Tuấn	13.02.95	13TC-Ô1	7.0	1.5	xx	THA2	
713	13B2250086	Nguyễn Minh	Tuấn	06.05.94	13TC-Ô1	4.0	1.5	xx	THA1+THA2	
714	13B2250090	Hoàng Quốc	Vũ	08.07.93	13TC-Ô1	6.0	3.0	4.5	THA2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM A1	ĐIỂM A2	ĐIỂM TB	KẾT QUẢ	XẾP LOẠI
-----	------	-----------	-----------	-----	------------	------------	------------	---------	----------

Ghi chú:

1. Cột KẾT QUẢ:

THA1: SV đăng ký lớp Tin học A1 (Windows, Word2010)

THA2: SV đăng ký lớp Tin học A2 (Excel2010, PowerPoint2010)

THA1+THA2: SV đăng ký lớp Tin học A0 (Windows, Word2010, Excel2010, PowerPoint2010)

2. Cột XẾP LOẠI:

Giỏi: Điểm trung bình ≥ 8 , Điểm A1 ≥ 7 , Điểm A2 ≥ 7

Khá: Điểm trung bình ≥ 7 và < 8 , Điểm A1 ≥ 6 , Điểm A2 ≥ 6

Trung bình: Điểm trung bình ≥ 5 và < 7

3. Môn A1 hoặc A2 mà ≥ 5 thì được bảo lưu điểm. Lần kiểm tra ngày 21/6/2015 chỉ kiểm tra môn < 5

**Kiểm tra Tin học trình độ A cho học viên tất cả các lớp THA0, THA2
được tổ chức vào ngày Chủ Nhật 21/6/2015**